

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN T**  
**TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-08-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị Kim Q, sinh năm 1979; Có mặt

Địa chỉ: K1, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1975; Vắng mặt

Địa chỉ: K5, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị Kim Q trình bày:**

Vào năm 2009 chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Tấn H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào năm

2012. Trong thời gian chung sống tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi làm cho cuộc sống vợ chồng còn hạnh phúc nên vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Chị Q khai có một con chung tên Nguyễn Triệu Đình N, sinh ngày 10/01/2011, hiện nay con chung đang sống chung với chị, chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q khai không có nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị Kim Q đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân của chị Triệu Thị Kim Q (Có đối chiếu đúng với bản gốc); 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình do cha ruột chị Q là ông Triệu Kim L làm chủ hộ, hộ khẩu mang số 2339; quyển sổ 23 ngày 12/11/2004 của Công an huyện T cấp (Có đối chiếu đúng với bản gốc); 01 (một) giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 94 ngày 08/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn CQ; 01 (một) giấy khai sinh của Nguyễn Triệu Đình N (Có đối chiếu đúng với bản gốc).

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 01 vào ngày 29/6/2020; lần 02 vào ngày 04/8/2020 hợp lệ cho anh H nhưng anh H vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh H được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

**- Con chung Nguyễn Triệu Đình N, sinh ngày 10/01/2011 có ý kiến trình bày tại hồ sơ vụ án:** Cha ruột cháu tên Nguyễn Tấn H và mẹ ruột cháu tên Triệu Thị Kim Q, nay cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng theo mẹ và muốn sống với chung mẹ cháu là bà Triệu Thị Kim Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị Kim Q xin ly hôn anh Nguyễn Tấn H nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Nguyễn Tấn H có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh H vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tấn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Kim Q và anh Nguyễn Tấn H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CQ theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị Triệu Thị Kim Q và anh Nguyễn Tấn H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa, chị Q xác định giữa chị và anh H không còn tình cảm thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho chị Triệu Thị Kim Q được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H.

[4]. Đối với con chung: Do chị Q khai có một con chung Nguyễn Triệu Đình N, sinh ngày 10/01/2011 hiện nay con chung đang sống chung với chị, chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đình N muốn sống chung với chị Q. Bởi vì từ lúc ly thân đến nay cháu N luôn chung sống với chị Q và chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu N cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Hội đồng xét xử có giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị Kim Q khai chị và anh Nguyễn Tấn H không có nợ chung và tài sản chung. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Nguyễn Tấn H để biết được ý kiến của anh Nguyễn Tấn H như thế nào về tài sản chung và nợ chung, anh H có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung giữa anh Nguyễn Tấn H và chị Triệu Thị Kim Q hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Nguyễn Tấn H có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Triệu Thị Kim Q thì anh Nguyễn Tấn H được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Triệu Thị Kim Q.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Kim Q, cho chị Triệu Thị Kim Q được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Triệu Đình N, sinh ngày 10/01/2011 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu N muốn sống chung với chị Q. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không yêu cầu.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Triệu Thị Kim Q khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Nguyễn Tấn H có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Triệu Thị Kim Q thì anh Nguyễn Tấn H được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Triệu Thị Kim Q.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006460 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, như vậy chị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Tấn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**\* Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND thị trấn Cầu Quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Ngoan**